

QUỸ ETF IPAAM VN100
Số/No: 3+/2023/CV-IPAAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM

1. Tên Công ty Quản lý quỹ: Công Ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

- Tên quỹ: Quỹ ETF IPAAM VN100
- Mã chứng khoán: FUEIP100
- Địa chỉ trụ sở chính: số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 39724568
- Email: support@ipa.com.vn
Website: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

2. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tổng kết hoạt động Quản lý quỹ năm 2022

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/ Quỹ vào ngày 29/03/2023 tại đường dẫn : <https://ipaam.com.vn/vi/home/>
Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm: Báo cáo tổng kết hoạt động Quản lý quỹ năm 2022

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu HC

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH MTV
QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN I.P.A**

Người được ủy quyền
công bố thông tin



Tổng giám đốc
Nguyễn Hồ Nga

Số: 38/2023/CV-FUEIP100

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO

Tổng kết hoạt động quản lý quỹ năm 2022

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Thông tin về quỹ

- a) Tên của quỹ: Quỹ ETF IPAAM VN100
- b) Mục tiêu đầu tư của quỹ: Mục tiêu đầu tư của quỹ là bám sát mức sinh lời thực tế của chỉ số VN100 trong tất cả các giai đoạn.
- c) Thời hạn hoạt động của quỹ: Không thời hạn
- d) Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): VN100
- e) Chính sách phân chia lợi nhuận: Không có
- f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành: 5.700.000 đơn vị quỹ

STT	Cổ phiếu	Tỷ trọng
1	ACB	4.71%
2	ASM	
3	BID	0.59%
4	BVH	0.26%
5	CII	0.21%
6	CTG	1.47%
7	DBC	0.16%
8	DGC	1.00%
9	DGW	0.25%
10	DIG	0.39%
11	DPM	0.53%
12	DXG	0.46%
13	DXS	
14	EIB	1.92%
15	FPT	5.37%
16	GAS	0.75%

17	GEX	0.48%
18	GMD	0.89%
19	GVR	0.17%
20	HBC	0.13%
21	HCM	0.32%
22	HDB	2.11%
23	HDG	0.26%
24	HPG	4.31%
25	HPX	0.06%
26	HSG	0.41%
27	ITA	0.19%
28	KBC	0.84%
29	KDC	0.69%
30	KDH	0.91%
31	LPB	1.44%
32	MBB	3.19%
33	MSB	1.68%
34	MSN	4.42%
35	MWG	3.57%
36	NKG	0.19%
37	NLG	0.58%
38	NVL	0.82%
39	OCB	1.02%
40	PAN	0.15%
41	PC1	0.23%
42	PDR	0.27%
43	PLX	0.32%
44	PNJ	1.85%
45	POW	0.39%
46	PVD	0.38%
47	PVT	0.27%
48	REE	0.89%

49	SAB	0.90%
50	SAM	0.17%
51	SBT	0.32%
52	SCR	0.13%
53	SHB	1.83%
54	SSB	3.89%
55	SSI	1.39%
56	STB	3.18%
57	TCB	4.42%
58	TCH	0.20%
59	TPB	1.38%
60	VCB	3.14%
61	VCG	0.25%
62	VCI	0.53%
63	VHC	0.45%
64	VHM	3.98%
65	VIB	1.65%
66	VIC	3.85%
67	VJC	2.26%
68	VND	0.92%
69	VNM	4.77%
70	VPB	5.96%
71	VPI	0.45%
72	VRE	1.79%

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ quỹ trong kỳ báo cáo: Không có

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:

Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động thường niên năm 2021 của Quỹ ETF IPAAM VN100.

Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021 và phương án không phân phối lợi nhuận của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2021.

Thông qua báo cáo hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2021 và kế hoạch ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2022.

Thông qua việc ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ lựa chọn và phê duyệt đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Quỹ ETF IPAAM VN100 trong năm 2022 là một trong bốn công ty kiểm toán sau:

+ Công ty TNHH PwC (Việt Nam) ("PWC");

- + Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (“E&Y”);
- + Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (“Deloitte”);
- + Công ty TNHH KPMG (“KPMG”).

i) Ý kiến nhận xét của ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán: Xin vui lòng xem mục 4 báo cáo này

2. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất cụ thể:

- Danh mục đầu tư theo tài sản:

Cơ cấu tài sản	Tỷ trọng năm 2022	Tỷ trọng năm 2021
Cổ phiếu	99,31%	99,04%
Tiền	0,52%	0,53%
Tài sản khác	0,17%	0,07%
Tổng	100%	100%

- Danh mục đầu tư của quỹ phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm năm 2022

STT	Ngành	Tỷ trọng
1	Ngân hàng	44%
2	Bất động sản	15%
3	Thực phẩm và đồ uống	12%
4	Công nghệ Thông tin	6%
5	Tài nguyên Cơ bản	5%
6	Bán lẻ	4%
7	Dịch vụ tài chính	3%
8	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3%
9	Du lịch và Giải trí	2%
10	Hàng cá nhân & Gia dụng	2%
11	Hóa chất	2%
12	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1%
13	Xây dựng và Vật liệu	1%
14	Dầu khí	1%
15	Bảo hiểm	0%
16	Ô tô và phụ tùng	0%

- Giá trị tài sản ròng của quỹ, tỷ lệ chi phí hoạt động và độc độ vòng quay danh mục như sau:

Năm	2022	2021
Giá trị tài sản ròng của quỹ	40.448.131.571	63.167.132.486
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	7.096,16	11.279,84
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	5.700.000	5.600.000
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất	11.457,32	11.359,99
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất	6.207,66	10.116,74
Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ	2,32%	2,21%
Tốc độ vòng quay danh mục	14,81%	17,51%

- Tổng thu nhập của quỹ:

Năm	2022	2021
Tổng thu nhập	-22.571.263.818	7.183.367.863
Cổ tức, trái tức được chia	555.730.449	1.456.887.750
Tiền lãi được nhận	756.613	317.263
Lãi (lỗ) thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư	-849.569.600	309.875.418
Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	-22.278.181.280	541.6287432

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ: Không có;

- Thời điểm phân chia lợi nhuận: không có;

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: không có

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau của công ty đầu tư chứng khoán, các giao dịch rep/reverse repo: không có.

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

Năm	2022	2021
Tổng lợi nhuận của quỹ	-23.774.999.535	6.799.829.810

Lưu ý: Quỹ thành lập chưa đủ 2 năm

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được

thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: nguyên tắc xác định giá trị tài sản của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ quỹ và sổ tay định giá của Quỹ.

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Không có

d) Khuyến cáo: các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

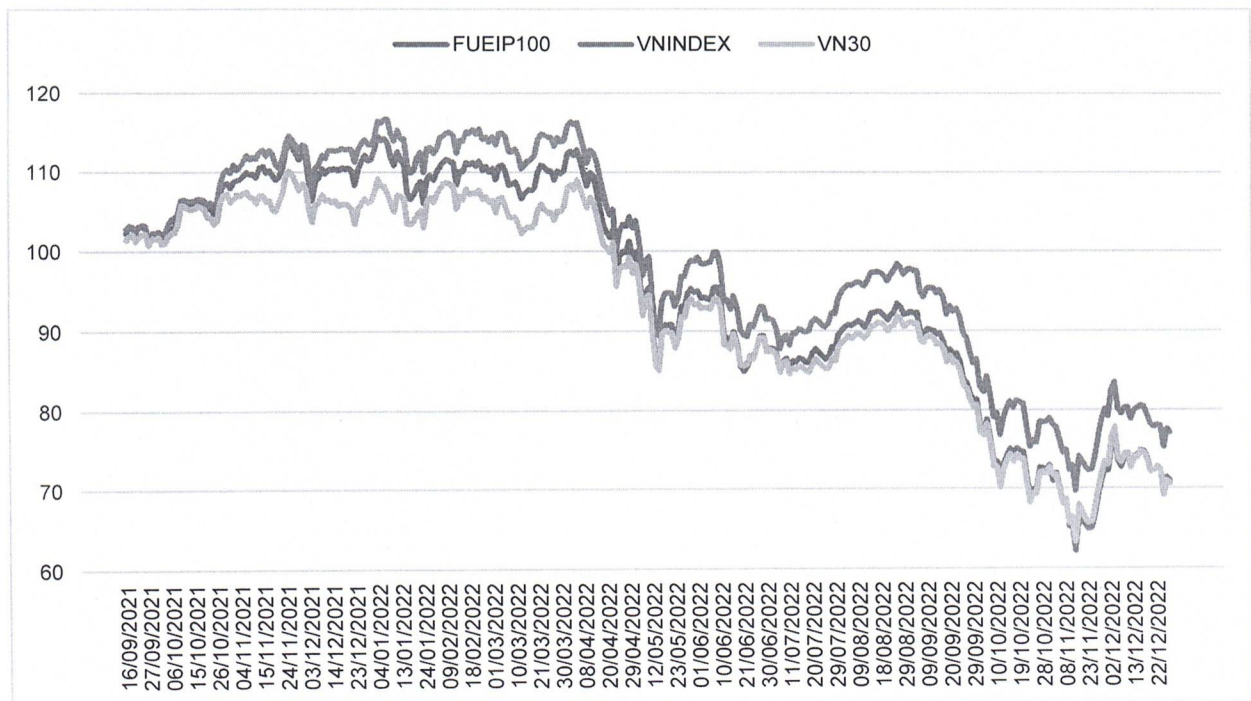
Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ: không có

b) Thuyết minh về việc quỹ/công ty đầu tư chứng khoán có đạt được mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của quỹ là bám sát mức sinh lời thực tế của chỉ số VN100 trong tất cả các giai đoạn, tại 30/6/2022, Quỹ có mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu ở mức thấp, trong mức quy định, khoảng 0,7%.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị);



d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian 05 năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị);

Quỹ mới thành lập năm 2021 nên chưa có số liệu 5 năm.

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ/công ty đầu tư chứng khoán đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ;

Quỹ ETF IPAAM VN100 áp dụng chiến lược đầu tư thụ động, tập trung mô phỏng tỷ suất sinh lời của chỉ số tham chiếu. Quỹ không chủ động tìm kiếm tăng trưởng cao hơn chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường chứng khoán bất lợi.

Chiến lược đầu tư thụ động đặt niềm tin vào tăng trưởng dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam, tối đa hóa lợi nhuận bằng cách nắm giữ cổ phiếu, hạn chế tối đa giao dịch mua/bán cổ phiếu hàng ngày, giúp giảm thiểu chi phí hoạt động cho Quý, bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn với các quỹ có chiến lược đầu tư chủ động.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán năm liền kề năm báo cáo;

Cơ cấu danh mục của Quỹ tại ngày 31/12/2022 không thay đổi nhiều so với cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề khi tỷ trọng đầu tư cổ phiếu chiếm 95%. Do Quỹ là loại hình quỹ hoán đổi danh mục mô phỏng theo chỉ số. Sự khác biệt chủ yếu giữa hai kỳ do sự thay đổi cơ cấu tỷ trọng một số ngành trong danh mục đầu tư.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất;

Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ ngày 31/12/2022 của Quỹ ETF IPAAM VN100 là 7.096,16 giảm 37.09% so với giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị Quỹ tại ngày 31/12/2021 là 11.279,84

h) Đánh giá biến động của các thị trường năm 2022

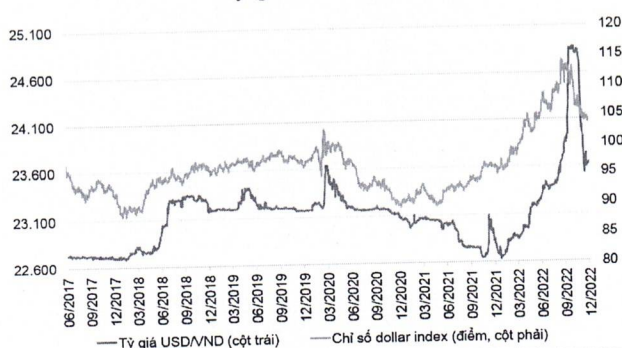
Vượt qua nhiều thách thức, kinh tế Việt Nam năm 2022 phục hồi và đạt thành quả đáng chú ý

- Kinh tế – xã hội năm 2022 của nước ta diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động nhanh, khó lường làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu. Tuy nhiên, vượt qua thách thức, nền kinh tế Việt Nam đang có sự phục hồi rõ rệt sau ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19. Lần đầu tiên quy mô GDP của Việt Nam đạt 409 tỷ USD, tăng trưởng 8,02% so với năm 2021, (vượt mục tiêu 6-6,5% do Quốc hội giao), đây là mức tăng trưởng hàng năm cao nhất kể từ năm 2011. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%, đóng góp 5,11% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%, đóng góp 38,24%. Khu vực dịch vụ tăng 9,99%, đóng góp 56,65%.

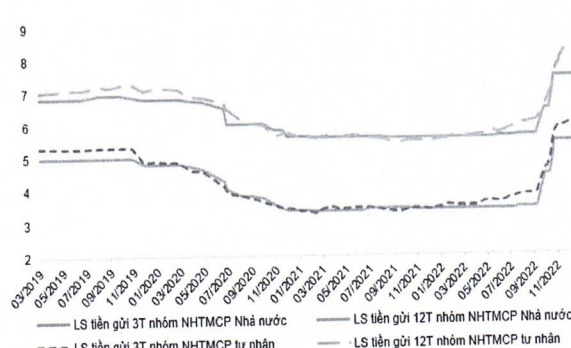
Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2019	2020	2021	2022	2023 (dự báo)
Tăng trưởng GDP	% svck	7,1	7,0	2,9	2,6	8,0	6,2
Tăng trưởng xuất khẩu	% svck	13,3	8,4	6,5	18,9	10,5	5,0
Tăng trưởng nhập khẩu	% svck	11,8	6,9	3,6	26,7	7,8	4,9
Cán cân thương mại	tỷ USD	6,9	10,9	18,9	3,3	12,4	13,4
Cán cân thanh toán	tỷ USD	5,8	12,8	12,7	-7,2	-3,0	6,2
Thặng dư cán cân thanh toán trên GDP	% GDP	1,9	3,8	3,7	-2,0	-0,8	1,4
Dự trữ ngoại hối	tỷ USD	55,1	78,3	94,8	109,4	89,9	102,0
Dự trữ ngoại hối trên GDP	% GDP	17,9	23,8	27,8	29,9	22,6	23,5
Số tháng nhập khẩu	tháng	2,8	3,7	4,3	3,9	3,0	3,3
Lạm phát bình quân	% svck	3,5	2,8	3,2	1,8	3,2	3,8
Tăng trưởng tín dụng	% từ đầu năm	13,9	13,7	12,1	13,6	14,0	11,5
Dư nợ tín dụng trên GDP	% GDP	103,9	107,1	115,7	124,3	126,5	130,4
Tăng trưởng tổng phương tiện thanh toán	% từ đầu năm	12,4	14,8	14,7	10,7	8,0	10,2
Lãi suất tài cấp vốn	%	6,3	6,0	4,0	4,0	6,0	6,0
Lãi suất huy động 12 tháng (cuối năm)	%	6,9	7,0	5,6	5,6	7,8	8,3
Lợi suất trái phiếu Chính phủ 10 năm (cuối năm)	%	5,1	3,4	2,4	2,1	5,2	5,2
Tỷ giá (USD/VND)	% svck	1,8	1,4	-0,3	-1,2	23.633	23.800
Thâm hụt ngân sách	% GDP	2,2	2,7	3,4	3,4	4,0	3,9
Nợ công	% GDP	47	43	45	43	42	43

- Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu trong năm 2022 cũng ghi nhận mức kỷ lục mới hơn 732,5 tỷ USD, tăng 9,5% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 10,6%; nhập khẩu tăng 7,8%; cả nước xuất siêu 11,2 tỷ USD, gấp hơn 3 lần so với năm trước. Đây cũng là năm thứ 7 Việt Nam xuất siêu liên tục, và xuất nhập khẩu tăng cao, củng cố vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu của Việt Nam.
- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đăng ký vào Việt Nam trong năm 2022 đạt gần 27,72 tỷ USD; mức giải ngân đạt 22,4 tỷ USD, tăng 13,5% so với năm trước. Đây là số vốn FDI thực hiện cao nhất trong 5 năm qua, khoảng cách giữa vốn đăng ký và vốn giải ngân tiệm cận nhau nhất (Các năm trước, vốn giải ngân chỉ bằng khoảng 60 - 70% vốn đăng ký). Các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 19 ngành trong tổng số 21 ngành kinh tế quốc dân. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt hơn 16,8 tỷ USD, chiếm 60,6% tổng vốn đầu tư đăng ký. Xét về số lượng dự án mới, các ngành bán buôn bán lẻ, công nghiệp chế biến chế tạo và hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ thu hút được nhiều dự án nhất, chiếm lần lượt 30%, 25,1% và 16,3% tổng số dự án.

Chỉ số đồng USD giảm mạnh giúp giải tỏa áp lực tỷ giá USD/VND



Lãi suất huy động của hệ thống ngân hàng hạ nhiệt



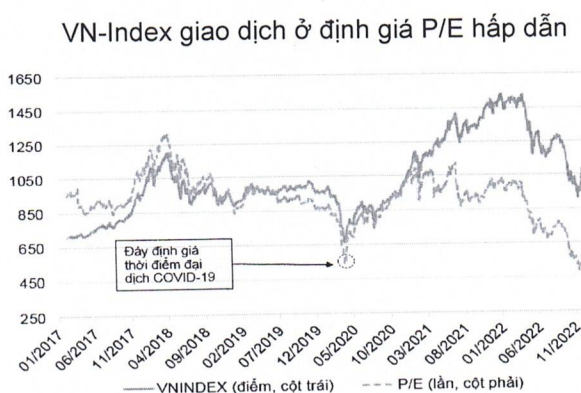
Nguồn: NHNN, Bộ Tài chính và VNDIRECT

- Trong năm 2022 áp lực lạm phát tăng cao trên toàn cầu đã khiến hầu hết các Ngân hàng Trung ương lớn đảo chiều sang thắt chặt tiền tệ sau giai đoạn nới lỏng từ 2019-2021 (FED đã 7 lần tăng lãi suất mạnh và liên tục). Trong bối cảnh đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phải tăng biên độ giao dịch của tỷ giá từ +3% lên +5% để linh hoạt cho phép VND mất giá đến 9%, liên tục bán dự trữ ngoại hối nhằm ổn định tỷ giá (Năm 2022, VND mất giá khoảng 3,5% – thấp hơn nhiều so với các đồng tiền khác trên thế giới và khu vực). Kèm với đó, Ngân hàng Nhà nước phải tăng lãi suất điều hành lên 2%, bằng với mức trước đại dịch Covid-19 để đảm bảo sự hấp dẫn của tiền đồng, hạn chế việc rút vốn từ các nhà đầu tư nước ngoài. Kết quả lạm phát Việt Nam đã “ngược dòng” lạm phát cao của toàn cầu, được kiểm soát ở mức thấp 3,15% (đạt mục tiêu Quốc hội giao dưới 4%). Mức lạm phát năm 2022 thấp hơn mức tăng 3,54% và 3,23% của năm 2018 và 2020; cao hơn mức tăng 2,79% và 1,84% của năm 2019 và năm 2021.

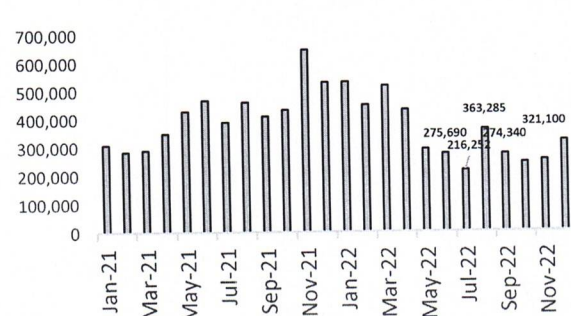
Thị trường chứng khoán điều chỉnh giảm và về vùng giá thấp, mang tới cơ hội tích lũy đầu tư

- Mặc dù kinh tế có các dấu hiệu phục hồi rõ nét nhưng VN-Index lại có một năm sóng gió, biến động với nhiều cung bậc. Trong năm, VN-Index có lúc lên đỉnh lịch sử ở mức 1.528,57 điểm vào ngày 6/1/2022, có lúc lại rơi xuống mức thấp nhất 911,9 điểm vào ngày 15/11/2022, tương đương mức giảm 40,34% so với đỉnh. Kết thúc năm 2022, VN-Index đóng cửa ở mức 1.007 điểm, giảm 33% so với đầu năm 2022.

- Các lý do khiến thị trường chứng khoán biến động và sụt giảm bao gồm tiến trình tăng lãi suất một cách gấp gáp của các ngân hàng trung ương do tác động từ giá dầu và đổ vỡ chuỗi cung ứng khiến cho các thị trường rơi vào vòng xoáy giảm giá khi tiền rẻ không còn. Tại thị trường Việt Nam, hoạt động khởi tố các vụ việc liên quan tới thao túng giá trên thị trường chứng khoán, sự đổ vỡ của thị trường trái phiếu doanh nghiệp cũng góp phần kích hoạt làn sóng rút vốn khỏi thị trường trái phiếu và thị trường vốn nói chung. Các hoạt động chấn chỉnh thị trường được kỳ vọng sẽ đem tới sự minh bạch cho thị trường trong dài hạn, nhưng không tránh khỏi các tác động tiêu cực tức thời trong ngắn hạn.
- Tuy vậy, nhìn lại chu kỳ của thị trường giai đoạn 2020-2022 thì mức điều chỉnh năm 2022 cũng chưa phải là quá khủng khiếp. Lý do là thị trường đã tăng trưởng tới gần 132% trong pha tăng, nên điều chỉnh hơn 40% ở pha giảm vẫn là hợp lý. Mặt khác, VN-Index điều chỉnh về trở lại quanh mốc 900 điểm cũng chỉ tương đương giai đoạn năm 2018-2019, thời điểm mà mặt bằng lãi suất bình thường trước Covid-19
- Những tín hiệu tích cực hơn được phát đi trong 2 tháng cuối năm, khi VN-Index nhận được sự ủng hộ quyết liệt của nhà đầu tư nước ngoài. Trong 2 tháng 11 và 12, khối ngoại đã liên tục mua ròng trên toàn thị trường, ghi nhận mức mua ròng khớp lệnh gần 30 nghìn tỷ đồng, mức kỷ lục trong nhiều năm của thị trường Chứng khoán.



Tổng giá trị khớp lệnh theo tháng



- Cuối năm 2022, VNINDEX đang giao dịch ở mức P/E 12 tháng là 10.5 lần (là vùng thấp nhất trong 5 năm gần đây), chiết khấu 40% so với mức đỉnh trong năm nay và thấp hơn 34% so với mức P/E trung bình 5 năm (16 lần).

Việt Nam cũng nổi bật trong số các thị trường mới nổi với mức tăng trưởng EPS cao trong giai đoạn 2022-24, trong khi diễn biến chỉ số chính lại kém khả quan hàng đầu trong khu vực. Sự tương phản này tạo ra cơ hội để hồi phục và tăng trưởng trở lại với dự địa cao trong dài hạn.

- i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ; ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): Không có;
- k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Không có;
- l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan: Không có;
- m) Các thông tin khác (nếu có): Không có;

Trường hợp là quỹ/công ty đầu tư chứng khoán bất động sản, bổ sung các nội dung:

- a) Thông tin về hiện trạng và khả năng khai thác bất động sản trong kỳ. Thông tin về các giao dịch (mua-bán) bất động sản trong kỳ;
- b) Đánh giá về tổ chức cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản;

c) Thông tin về hoạt động định giá bất động sản trong kỳ. Mô tả chênh lệch giữa giá gốc và giá trị của bất động sản được định giá lại trong kỳ;

4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty quản lý quỹ trong quá trình vận hành và quản lý quỹ đối với các nội dung sau:

a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ hoán đổi danh mục, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ ETF IPAAM VN100 đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

c) Trong năm, Quỹ đã thực hiện các giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng... với các nội dung sau:

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ;

Chỉ tiêu	Tỷ lệ so với lợi nhuận	Tỷ lệ so với chi phí hoạt động	Tỷ lệ so với thu nhập từ hoạt động đầu tư
Tỷ lệ chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	-0,28%	5,58%	-0,29%
Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ	-0,83%	16,74%	-0,88%

b) Việc đăng ký sở hữu tài sản (đối với trường hợp công ty đầu tư chứng khoán bất động sản);

c) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán: làm tăng chi phí nhưng không đáng kể.

d) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ);

Chỉ tiêu	Số tiền
Chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	66.000.003
Chi phí dịch vụ quản trị quỹ	198.000.000

đ) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

- Các đơn vị cung cấp dịch vụ đã thực hiện các dịch vụ được ủy quyền thận trọng, an toàn, tuân thủ các quy định của Điều lệ và Pháp luật.

- Hạ tầng kỹ thuật thực hiện dịch vụ an toàn, ổn định, có phương án dự phòng rủi ro khi sự cố xảy ra
- Các đơn vị cung cấp dịch vụ duy trì nhân sự thực hiện các dịch vụ cs trình độ, kinh nghiệm đáp ứng được yêu cầu về dịch vụ được ủy quyền, đồng thời đã có hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, đảm bảo hoạt động ủy quyền được thông suốt, bảo mật thông tin cho khách hàng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT

**TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
CHỨNG KHOÁN I.P.A**



(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hồ Nga

